

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VINH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số:10/2024/HS-PT
Ngày 15 - 01- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thúy Mai

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Bích Ngọc

Ông Nguyễn Xuân Trọng

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Văn Hùng -Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vinh Phúc.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vinh Phúc tham gia phiên toà:** Bà Mậu Mai Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vinh Phúc, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 165/2023/TLPT-HS ngày 08 tháng 11 năm 2023, đối với bị cáo **Nguyễn Xuân K** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 158/2023/HS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2023/QĐXX - HSPT ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đối với:

Bị cáo **Nguyễn Xuân K**, sinh ngày 12 tháng 11 năm 1998; nơi cư trú: **Thôn T, xã X, huyện S, thành phố Hà Nội**; nghề nghiệp:Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn K1** và bà **Trương Thị L**; có vợ là **Nguyễn Thị Kim L1** và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/02/2023 đến ngày 03/3/2023 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú (có mặt).

Bị hại: Công ty Cổ phần X – VNECO4

Địa chỉ trụ sở: **Số A, đường N, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An.**

Đại diện theo pháp luật: Ông **Hồ Hữu P** – Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Trung P1** – Nhân viên **Công ty Cổ phần X** – VNECO4. (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1, Ông **Chu Văn C**, sinh năm 1970; địa chỉ: **Thôn C, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang** (vắng mặt).

2, Ông **Đặng Văn L2**, sinh năm 1968; địa chỉ: **Thôn V, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang** (vắng mặt).

3, Chị **Bằng Thị T**, sinh năm 1997; địa chỉ: **Thôn N, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang** (vắng mặt).

4, Ông **Chu Văn T1**, sinh năm 1979; địa chỉ: **Thôn C, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chu Văn C1, **Chu Tuấn A**, **Đặng Trần L3** và **Vi Văn Q** đều quen biết nhau vì cả 4 hiện đang thuê trọ tại khu nhà trọ của ông **C2**, bà **L4** ở **thôn Q, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc**. Do biết được **Công ty Cổ phần X** - VNECO4 đề vật liệu là các cuộn dây cáp điện ở bãi tập kết vật liệu của Công ty, sát gần nghĩa trang **thôn B, xã T, huyện B** (không có tường bao loan), **C1** đã nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu sài cá nhân nên **C1** rủ **L3** tham gia, **L3** đồng ý.

Tối ngày 30/01/2023, **C1** điều khiển xe mô tô BKS: 22S1-046.95 mượn của **Chu Tuấn A** chở **L3** đi đến khu tập kết vật liệu của **Công ty V** quan sát xem có người trông coi hay không, sau đó **C1** và **L3** đi đến quán thu mua sắt vụn của **Nguyễn Xuân K** ở **đường N thuộc tổ dân phố Đ, thị trấn B, huyện B** mục đích để hỏi xem Khâm có mua dây cáp điện không. Đến nơi thấy quán đóng cửa, **C1** gọi điện cho **K** hỏi “*Anh có mua cáp điện không*”, **K** đồng ý mua với giá 26.000 đồng/1kg. **C1** nói “*Đêm em lấy được thì em gọi*”, Khâm trả lời “*Ừ đêm lấy được gọi cho anh*”, tức là lấy trộm được cứ gọi cho **K**. Sau đó **C1** và **L3** đi về phòng trọ. **C1** bảo **L3** rủ thêm **Q** và **Tuấn A** cùng tham gia thì **L3** đồng ý.

Khoảng 22h30 ngày 31/01/2023, **C1** rủ **L3**, **Q** và **Tuấn A** đi trộm cắp dây cáp điện thì cả ba đồng ý. Sau đó, **C1** điều khiển xe mô tô BKS: 22S1-046.95 chở **L3**, **Q** và **Tuấn A** đi đến bãi tập kết vật liệu là các cuộn dây điện của **Công ty V**, thấy cuộn dây cáp điện còn mới, chưa sử dụng, đầu cáp điện được ghim vào thành gỗ. Do không mang theo công cụ cắt dây cáp điện nên các đối tượng không lấy trộm được rồi cả 4 đi về chuẩn bị công cụ hôm sau thực hiện. Khoảng 18 giờ ngày 01/02/2023, **C1** bảo **L3** đi mua 01 kim cộng lực cắt sắt và 01 kim cộng lực cắt nhôm để dùng cắt trộm dây cáp điện, **L3** đồng ý rồi rủ **Q** cùng đi mua, cả hai đi đến 01 cửa hàng ở **xã T, huyện B** (không rõ địa chỉ cụ thể) mua 02 kim này với giá 1.000.000 đồng (**Q** là người trả tiền) rồi đi về để ở phòng trọ của **C1**. Đến khoảng 23h30’ cùng ngày, **C1** điều khiển xe mô tô BKS: 22S1- 046.95 chở **L3**, **Tuấn A**, **Q** đem theo 02 kim cộng lực vừa mua đến khu vực **nghĩa trang T2** gần bãi để vật liệu của **công ty V** để xe mô tô ở đó, **Tuấn A** đứng ngoài còn **C1**, **Q** và **L3** cầm 02 kim đi qua mương đến cuộn cáp điện kí hiệu 2601900050 (gọi là cuộn thứ nhất), dùng tay gỡ các ván gỗ, sau đó **C1** dùng kim cắt đầu dây cáp được ghim vào thành gỗ, **L3** và **Q** kéo đầu dây cáp đưa cho **Tuấn A** kéo dây ra khỏi khung đai gỗ, khi **Tuấn A** kéo được một đoạn dài khoảng 20 – 25m thì **C1** cắt đứt dây cáp điện để **Tuấn A** kéo và để ở nghĩa trang. Cứ như vậy

đến khi C1, L3, Q, Tuấn A cắt trộm được 15 đoạn tương đương 394,6m thì dừng lại. C1, L3 và Q lắp các thanh ván gỗ lại như cũ để tránh bị phát hiện, cất giấu 02 kìm ở nghĩa trang để hôm sau tiếp tục trộm cắp, sau đó C1 gọi điện cho K đến chở dây cáp. Khoảng 30 phút sau K điều khiển xe ô tô BKS: 98C-120.10 đến, C1, L3, Tuấn A và Q khiêng các đoạn cáp điện lên xe ô tô rồi K điều khiển xe ô tô chở các đoạn dây cáp trộm cắp được, C1 điều khiển xe mô tô chở L3, Tuấn A, Q đi về quán của K. Tại đây C1 bán cho K số dây cáp điện được 9.000.000 đồng chia nhau mỗi người được 2.000.000 đồng, còn 1.000.000 đồng đưa Q vì Q bỏ 1.000.000 đồng để mua 02 chiếc kìm.

Lần thứ hai: Khoảng 23 giờ ngày 03/02/2023, C1 điều khiển xe mô tô BKS: 22S1-046.95 chở L3, Tuấn A, Q đến nghĩa trang. Vẫn bằng cách thức như lần thứ nhất, C1, Q, L3, Tuấn A lấy 02 kìm cộng lực giấu ở nghĩa trang trước đó rồi đi đến vị trí cuộn cáp thứ nhất tiếp tục cắt trộm được khoảng 30 đoạn dây cáp điện tương đương 710,3m, sau đó C1 gọi điện cho K đến chở dây cáp về quán nhà K, tại đây C1 bán cho K số dây cáp điện được 16.000.000 đồng về chia nhau mỗi người được 4.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Khoảng 23 giờ ngày 04/02/2023, C1 điều khiển xe mô tô BKS: 22S1-046.95 chở L3, Tuấn A và Q đi đến nghĩa trang. Vẫn bằng cách thức, phương tiện, công cụ như lần trước C1, L3, Tuấn A và Q cắt trộm ở cuộn thứ nhất được khoảng 35 đoạn dây cáp điện tương đương 868,1m, sau đó C1 gọi điện cho K đến chở dây cáp về quán nhà K, tại đây C1 bán cho K số dây cáp điện được 20.000.000 đồng chia mỗi người được 5.000.000 đồng.

Lần thứ tư: Khoảng 23 giờ ngày 07/02/2023, C1 gọi điện rủ Tuấn A đi trộm cáp nhưng do Tuấn A đang ở quê nên trả lời không đi được. Sau đó, C1 điều khiển xe mô tô BKS: 22B1-187.40 của Q chở L3 và Q đi đến nghĩa trang. Do cuộn thứ nhất đã hết nên C1, L3 và Q đến cuộn cáp điện kí hiệu 2681460003 (gọi là cuộn thứ hai) ở vị trí sát cạnh cuộn thứ nhất cắt trộm được khoảng 10 đoạn tương đương 215,2m, sau đó C1 gọi điện cho K đến chở dây cáp về quán nhà K, tại đây C1 bán cho K số dây cáp điện được 4.900.000 đồng. C1 chia cho L3, Q mỗi người 1.600.000 đồng, C1 cầm 1.700.000 đồng. Mua bán xong K nói với C1 “Em lấy nốt cuộn này thôi”, hiểu ý K nói không mua dây cáp điện nữa, C1 đồng ý nói “Ừ”.

Sau 04 lần mua dây cáp điện do C1, L3, Q và Tuấn A trộm cắp được bán cho, ngày 08/02/2023 K đã bán toàn bộ số dây cáp điện mua được bán cho 02 người nam giới (Khâm không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể) được 58.170.000 đồng (thu lời bất chính 8.270.000 đồng).

Lần thứ năm: Khoảng 20h30 ngày 08/02/2023, C1 điều khiển xe mô tô BKS: 22S1-046.95 chở Tuấn A; L3 điều khiển xe mô tô BKS: 22B1-187.40 chở Q đến nghĩa trang. C1, Q, L3, Tuấn A lấy 02 kìm cộng lực giấu ở nghĩa trang trước đó rồi đến vị trí cuộn dây cáp thứ hai cắt trộm được 10 đoạn dây cáp, khi L3, C1, Q, Tuấn A đang thực hiện hành vi trộm cắp thì bị ông Nguyễn Xuân Đ là bảo vệ công ty phát hiện, ông Đ đã điện báo Công an huyện B. Sau khi tiếp nhận tin báo Công an huyện B đến phát hiện bắt quả tang được C1 và Q cùng tang vật chứng gồm: 01 kìm

cộng lực màu đỏ và 01 kìm cộng lực màu cam; 10 đoạn dây cáp điện; 01 xe mô tô BKS: 22B1-187.40 đã qua sử dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu sơn đỏ - đen, đã qua sử dụng, BKS: 22S1-046.95 còn L3 và Tuấn A bỏ chạy trốn thoát.

Ngày 09/02/2023, Cơ quan điều tra – Công an huyện B tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của C1, L3, Q, Tuấn A ở thôn Q, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Kết quả: Không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Ngày 22/02/2023, Nguyễn Xuân K đến Cơ quan điều tra Công an huyện B đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cùng ngày Cơ quan điều tra – Công an huyện B tiến hành khám xét khẩn cấp tại cửa hàng mua bán phế liệu của Nguyễn Xuân K ở tổ dân phố Đ, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc kết quả thu giữ: 01 chiếc cân đồng hồ màu xanh loại 100kg, nhãn hiệu Nhon Hòa, đã qua sử dụng – Khâm khai đây là chiếc cân Khâm sử dụng để cân dây cáp điện các đối tượng trộm cắp được bán cho K.

Ngày 27/4/2023, Nguyễn Xuân K tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện B 01 xe ô tô nhãn hiệu FOTON, BKS: 98C-120.10 để phục vụ điều tra.

Đại diện Công ty Cổ phần X (VNECO4) khai báo: Công ty tập kết vật liệu (là các cuộn dây điện) tại bãi tập kết vật liệu của Công ty ở thôn B, xã T, huyện B để thi công công trình Trạm biến áp T3 - KCN B, 02 cuộn dây điện mà các đối tượng C1, L3, Q, Tuấn A trộm cắp có kí hiệu (Cuộn 1 kí hiệu 2601900050, Cuộn 2 kí hiệu 2681460003) là loại dây cáp điện ACSR-330/43 còn mới nguyên và có tổng chiều dài số mét bị mất trộm là 2.508,5m, có giá trị theo hóa đơn mua là 217.988.650 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 10 đoạn dây cáp điện ACSR-330/43; 01 kìm cộng lực màu đỏ và 01 kìm cộng lực màu cam; 01 xe mô tô BKS: 22B1-187.40 đã qua sử dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu sơn đỏ - đen, đã qua sử dụng, BKS: 22S1- 046.95; 01 chiếc cân đồng hồ màu xanh loại 100kg, nhãn hiệu Nhon H và 01 xe ô tô nhãn hiệu FOTON, BKS: 98C-120.10.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 17/KL - HĐĐGTS ngày 10/2/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, kết luận: *Giá trị của tài sản Dây cáp điện loại ACSR – 330/43 dài là 2.508,5m là 217.988.650 đồng.*

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 158/2023/HS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Xuân K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt:

- Nguyễn Xuân K 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/02/2023 đến ngày 03/3/2023.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo khác, tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023 bị cáo **Nguyễn Xuân K** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm đề nghị: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 158/2023/HS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ vào điểm c, khoản 2 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo **Nguyễn Xuân K** 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 05 năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị cáo **Nguyễn Xuân K** kháng cáo trong hạn luật định hợp lệ được chấp nhận.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được cơ quan điều tra thu thập khách quan, đúng pháp luật. Từ đó có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 01/2/2023 đến ngày 08/02/2023, tại khu vực bãi tập kết vật liệu của **Công ty cổ phần X VNECO4 ở thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, Chu Văn C1, Đặng Trần L3, Vi Văn Q, Chu Tuấn A** đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trị giá 217.988.650đ. Trong đó bị cáo **K** là người biết các bị cáo khác trộm cắp tài sản mang đến bán cho **K** nhưng bị cáo **K** vẫn đồng ý mua. Tài sản **Công ty cổ phần X VNECO4** bị thiệt hại trong số các lần bị cáo **K** tham gia là 192.500.880đ.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo **Chu Văn C1, Đặng Trần L3, Vi Văn Q** về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự; xét xử bị cáo **Chu Tuấn A, Nguyễn Xuân K** về tội “Trộm cắp tài sản” theo

khoản điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, không oan sai. Sau khi xét xử phần hình phạt đối với bị cáo **Chu Văn C1**, **Đặng Trần L3**, **Vi Văn Q**, **Chu Tuấn A** không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật được thi hành.

Xét kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Xuân K** nhận thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Vì mục đích tư lợi cá nhân bị cáo đã hứa hẹn trước về việc tiêu thụ tài sản là dây cáp điện để **C1**, **L3**, **Q**, **Tuấn A** đi thực hiện trộm cắp của **Công ty cổ phần X** VNECO4 ở **thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc** đem về bán cho **K**. Do vậy **K** là đồng phạm về tội “Trộm cắp tài sản” với **C1**, **L3**, **Q**, **Tuấn A** với vai trò giúp sức tích cực trong việc tiêu thụ tài sản và đã trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội 04 lần (là các ngày 01/02, 03/02, 04/02 và 07/02/2023). Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo **Nguyễn Xuân K** 02 năm 06 tháng tù là có căn cứ.

Tuy nhiên xét thấy trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại đầy đủ cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Trong vụ án này bị cáo do không hiểu biết pháp luật và hám lời nên đã mua tài sản trộm cắp mà có, sau 4 lần mua tài sản bị cáo đã ý thức được về hành vi phạm tội và không mua của nhóm bị cáo Chung nữa, đến khi vụ án bị phát hiện bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú về hành vi phạm tội, tự giác khai báo tạo điều kiện để cơ quan chức năng sớm kết thúc điều tra, do bị cáo tích cực bồi thường khắc phục hậu quả nên đại diện **Công ty cổ phần X** VNECO4 đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bản thân bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự từ tháng 02 năm 2017 đến ngày 23/01/2019 xuất ngũ về địa phương, trong thời gian đó đã được tặng thưởng Giấy khen. Đồng thời gia đình bị cáo thuộc đối tượng là người có công với cách mạng, bị cáo có ông nội là cụ **Nguyễn Văn K2** được trao tặng Bằng Tổ Quốc ghi công năm 1977, năm 1987 được Nhà nước truy tặng Huân chương kháng chiến Hạng 3 do vậy bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Như vậy với 03 tình tiết giảm nhẹ, 01 tình tiết tăng nặng nên việc áp dụng hình phạt tù cách ly khỏi xã hội đối với bị cáo là không cần thiết. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ chấp nhận song để bị cáo có cơ hội cải tạo tốt, sửa chữa lỗi lầm cần xem xét chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sửa một phần bản án sơ thẩm. Cụ thể xử phạt bị cáo **Nguyễn Xuân K** 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Xuân K**. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số: 158/2023/HS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Xuân K** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Xuân K** 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo **Nguyễn Xuân K** cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện S, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

2. Về án phí: Bị cáo **Nguyễn Xuân K** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSNDTP Phúc Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc
- Công an huyện Bình Xuyên;
- TAND huyện Bình Xuyên;
- THADS Bình Xuyên;
- UBND xã Xuân Thu, Sóc Sơn, HN
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ, HCTP, Toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC
THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Phạm Thị Thúy Mai

